

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh Bình Định.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Bình Định tại Văn bản số 120/24/CV-BTMK ngày 27/12/2024 về việc bổ sung, chỉnh sửa nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Bình Định, địa chỉ trụ sở chính: Lô A17 Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A17, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số 4101456847 đăng ký lần đầu ngày 12/01/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/9/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 0154637605 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định cấp chứng nhận lần đầu ngày 28/3/2016.

1.4. Mã số thuế: 4101456847.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông thương phẩm

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 13.913,5 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Công suất: 120 m<sup>3</sup> bê tông thương phẩm/giờ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Bình Định:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Bình Định có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay các hoạt

động liên quan đến việc phát sinh chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và Chính quyền địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2034).

**Điều 4.** Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đại diện Ban Quản lý tại Khu kinh tế, Khu công nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- Công ty CP ĐTXD Bình Định;
- Cty TNHH Bê tông Mê Kông Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- VP Đại diện Ban Quản lý;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thanh Nguyên**

## Phụ lục 01

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài; nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình rửa xe bồn, rửa buồng trộn, vệ sinh nền khu buồng trộn) được thu gom, xử lý sơ bộ và tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra môi trường.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

##### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ; nước thải phát sinh từ 02 nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 03 ngăn, sau đó cùng với nước thải từ các lavabo, vệ sinh sàn nhà tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D114mm chôn ngầm về bể thu gom nước thải tập trung, nước thải từ bể thu gom theo đường ống nhựa uPVC D114mm chôn ngầm đầu nối về hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài.

Tọa độ điểm đầu nối: X = 1.525.417, Y = 596.169 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108<sup>0</sup> 15', múi chiều 3<sup>0</sup>).

- Nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình rửa xe bồn, rửa buồng trộn, vệ sinh nền khu buồng trộn) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng mương bê tông, kích thước (BxH) = 30cm x 30cm, sau đó tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

##### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

##### **1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:**

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

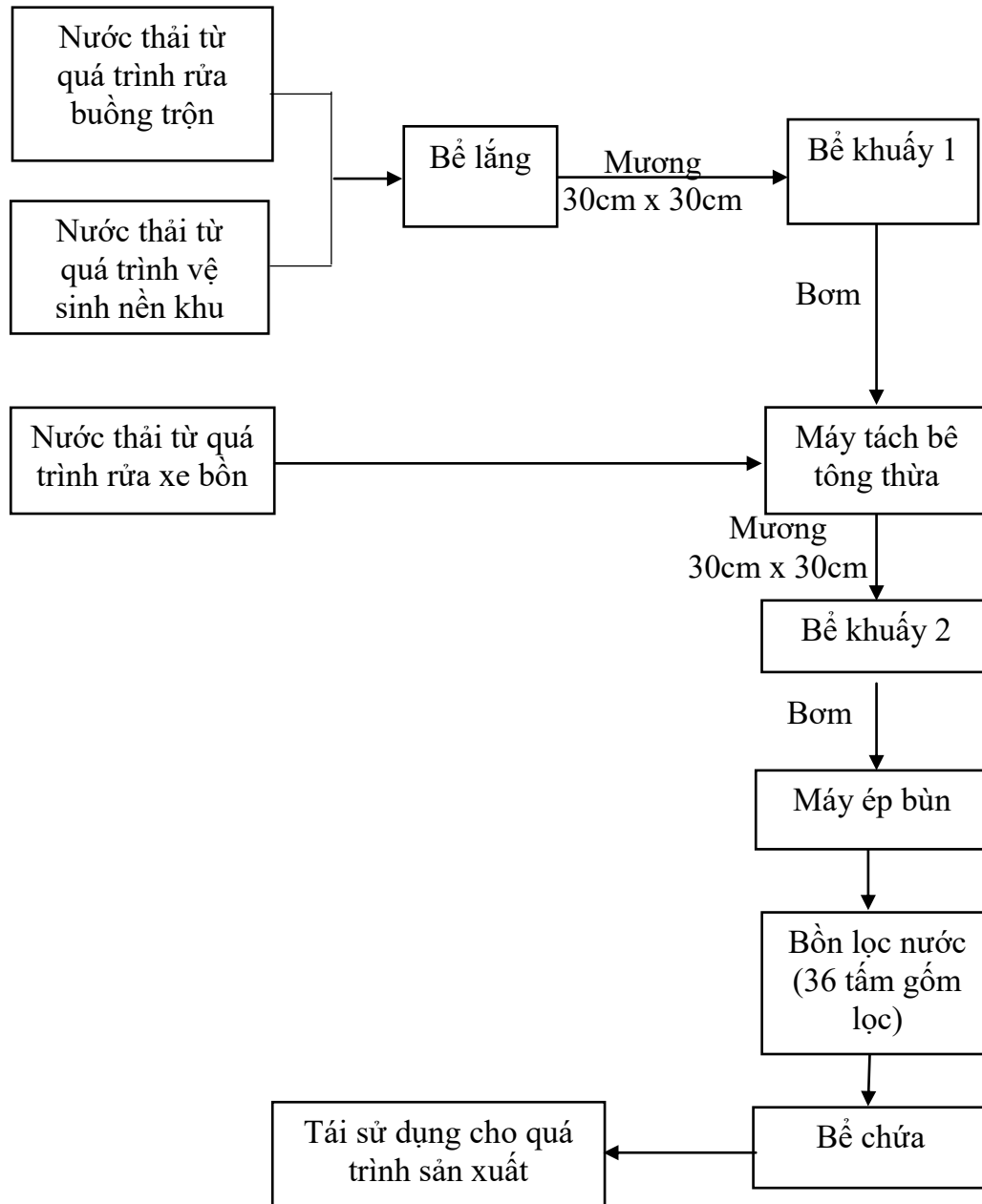
Nước thải từ nhà ăn sau khi xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ + Nước thải sinh hoạt từ 02 khu nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) + Nước thải từ các lavabo, vệ sinh sàn nhà → Bể gom nước thải tập trung → Hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Dung tích bể xử lý:

- + 02 bể tự hoại: 6 m<sup>3</sup>/bể.
- + Bể tách dầu mỡ: 0,6m<sup>3</sup>.
- + Bể gom nước thải tập trung: 6,4 m<sup>3</sup>
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất và tuần hoàn tái sử dụng:

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:



- Công suất thiết kế: 06 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất: không.
- Vật liệu sử dụng: Sử dụng vật liệu lọc trong bồn lọc nước.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng các công trình, thiết

bị xử lý nước thải (các bể chứa nước thải, máy ép bùn, máy tách bê tông thừa, bơm); nạo vét, hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể chứa nước thải theo đúng yêu cầu kỹ thuật, để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý nước thải, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn, rò rỉ, chảy tràn nước thải ra môi trường.

- Các bể chứa nước thải phải đảm dung tích lưu chứa, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài mặt bằng vào, gây quá tải hệ thống dẫn đến tình trạng chảy tràn nước thải ra ngoài mặt bằng và tràn vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Công trình xử lý nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải phải tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng đầu nối toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định; thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sản xuất, tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra môi trường.

3.3. Việc vệ sinh, rửa xe bồn phải được thực hiện trong phạm vi đảm bảo thu gom được toàn bộ lượng nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải để xử lý, không để chảy tràn nước thải ra ngoài mặt bằng.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đúng quy định.

## Phụ lục 02

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 01 chứa xi măng.
  - Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 02 chứa xi măng.
  - Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 03 chứa tro bay.
  - Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 04 chứa xi.
- \* 04 Silô hoạt động luân phiên không hoạt động cùng chung một thời điểm, khi phát sinh nguồn số 01 sẽ không phát sinh nguồn số 02, số 03, số 04 và ngược lại, tại một thời điểm chỉ phát sinh bụi từ 01 silô.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 01, số 02, số 03 và số 04.

2.2. Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi, tọa độ: X = 1.525.404; Y = 596.114 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.400 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất, tối đa 08 giờ/ngày.

2.3.2. Chất lượng khí thải (bụi) trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, K<sub>p</sub> = 0,9 và K<sub>v</sub> = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	Không	Không
02	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 01 chứa xi măng được thu gom vào hệ thống xử lý bụi bằng đường ống thép, đường kính Ø114mm.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 02 chứa xi măng được thu gom vào hệ thống xử lý bụi bằng đường ống thép, đường kính Ø114mm.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 03 chứa tro bay được thu gom vào hệ thống xử lý bụi bằng đường ống thép, đường kính Ø114mm.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô số 04 chứa xỉ được thu gom vào hệ thống xử lý bụi bằng đường ống thép, đường kính Ø114mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ nguồn số 01, số 02, số 03 và số 04 → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 20.400 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của cơ sở để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hư hỏng xuống cấp, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường; trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hư hỏng.

- Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyên giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.



2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của 04 silô chứa nguyên liệu.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của hệ thống xử lý bụi nêu tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Công ty tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý bụi, khí thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi cơ sở. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo ống thoát của hệ thống xử lý bụi phải có điem (cửa) lấy mẫu với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điem lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi (như: thời gian thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Ban Quản lý Khu kinh tế; sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,...).

3.5. Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

**Phụ lục 03****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Khu vực Trạm trộn bê tông thương phẩm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tọa độ: X = 1.525.400; Y = 596.120  
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>)

**3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
01	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	05
02	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	60
03	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	10
04	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	05
05	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
06	Ăc quy chì thải	19 06 01	20
<b>Tổng cộng</b>			<b>130</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
01	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	20
02	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (bao gồm can, thùng đựng phụ gia)	18 01 03	100
03	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dầu, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30
<b>Tổng cộng</b>			<b>150</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
01	Giấy carton, bao bì nilon, bao bì chứa nguyên liệu, túi vải lọc bụi hồng, ...	40
02	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất	4.333
03	Bê tông thừa, hư hỏng	175
04	Hộp mực in thải (mực in văn phòng)	02
05	Phế liệu các loại: sắt, thép, nhựa	125
06	Bụi thu gom từ hệ thống xử lý bụi	25
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.700</b>

#### 1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 0,9 tấn/tháng.

- Chung loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại dự án.

### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị can nhựa, thùng phuy, thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo nguy hại, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10m<sup>2</sup>, tại vị trí phía Bắc mặt bằng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khí, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; gờ chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biên cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

#### 2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

##### 2.2.1. Đối với các loại bao bì carton, nilon, bao bì chứa nguyên liệu, sắt vụn:

- Xây dựng kho chứa có diện tích 10m<sup>2</sup>, tại vị trí phía Bắc mặt bằng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu, không rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh; có mái che kín nắng, mưa; tường bao xung quanh;...

2.2.2. Đối với bùn cặn từ quá trình xử lý nước thải sản xuất (bùn khô sau khi được ép bùn): được lưu chứa tại nhà đặt máy ép bùn, có diện tích 26m<sup>2</sup> phía Bắc mặt bằng. Khu vực lưu chứa đảm bảo có bờ bao xung quanh, không để chảy tràn ra ngoài mặt bằng và có mái che tránh nước mưa chảy tràn vào khu vực lưu chứa.

#### 2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng đựng rác dung tích 240L chuyên dụng có nắp đậy để thu gom, phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Khu vực để thiết bị lưu chứa: Nhà điều hành sản xuất; trạm trộn; nhà ăn, nhà bảo vệ; nhà vệ sinh. Định kỳ tập kết tại khu vực gần cổng ra vào nhà máy

đề đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**Phụ lục 05****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)*

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.

4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

5. Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.